

GIỚI THIỆU NỘI DUNG TỔNG QUÁT QUYỀN TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO

-----OOO-----

Trong Năm Đức Tin, nhằm thể hiện vai trò ngôn sứ của mình trong việc loan báo Tin Mừng Cứu độ của Đức Kitô, Ban Biên Tập UBCL&HB Giáo phận Ban Mê Thuột xin giới thiệu và cung cấp cho mọi người một cái nhìn toàn cảnh về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo.

Cuốn Tóm lược Học thuyết Xã hội này có thể gọi là "công cụ xây dựng nền văn minh tình yêu và cũng có thể được xem là " Bản tuyên ngôn về một nền nhân bản mới".

Chúng ta có thể tìm thấy trong đó các chuẩn mực của một xã hội mới thấm nhuần Tin Mừng và tinh thần Kitô giáo. Một công cụ hữu hiệu để xây đắp tình người, xây dựng nền văn minh của yêu thương thay cho bạo lực hận thù, liên đới chia sẻ thay cho tị hiềm, chia rẽ.

Một tuyên ngôn mở ra những trang đầy ắp niềm lạc quan tin tưởng, đem lại hy vọng cho những ai có tâm hồn thanh thoát và thiện chí, đang muốn dẫn thân và chân thành đem Đức tin nhập thể vào các tiến trình lịch sử.

+++ NHẬP DỀ

Hơn hai ngàn năm qua, Chúa Giêsu đã khai sinh Giáo Hội bằng việc rao giảng Tin Mừng, và loan báo Nước Thiên Chúa đến như đã hứa trong Thánh Kinh (x. Mc 1,15; Mt 4,17). Xuyên suốt chiều dài cuộc lữ hành Đức tin, dưới sự hướng dẫn của Đức Kitô, vị " Mục tử cao cả" (Dt 13,20), Giáo Hội nhận thức sứ mệnh cao cả của mình, là luôn đồng hành với nhân loại trong dòng lịch sử, cùng đồng cảm với mọi nỗi thăng trầm buồn vui của kiếp người. Giáo Hội đứng về phía mỗi con người, là hình ảnh của Thiên Chúa (x. St 1, 27), ở

mọi nơi mọi thời và mang tin vui Nước Chúa đến cho họ. Giáo Hội quan tâm và dẫn thân với nhân loại để chia sẻ "vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô" (HC Vui mừng và hy vọng-Gaudium et Spes, 1). Chân phước Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã nhìn nhận giá trị và nền tảng của nhân quyền đến từ việc con người đã được Chúa Kitô cứu chuộc: "Con người là con đường đầu tiên và con đường chính của Giáo Hội, con đường chính Chúa Kitô vạch ra, con đường mãi mãi phải xuyên qua mầu nhiệm Nhập thể và Cứu độ" (TĐ Đấng Cứu Chuộc Con người-Redemptor Hominis, 14).

Kín mức nguồn mạch ân sủng phong phú từ "Thiên Chúa là tình yêu" (2 Ga 4,8), nên giữa lòng nhân loại và trong thế giới ấy, "Giáo Hội ở trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại" (Hiến chế Tín lý về Giáo Hội-Lumen Gentium, 1). Bởi Giáo Hội là "bí tích phổ quát của ơn cứu độ" (LG,48), và Thiên Chúa là Đấng "muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý" (1 Tm 2,4).

Giáo Hội có quyền làm người thầy cho nhân loại, một người thầy về chân lý đức tin". Bởi thế Giáo Hội loan báo "Tin Mừng trong bối cảnh xã hội, làm cho lời giải phóng của Tin Mừng vang lên trong các thế giới của sản xuất, lao động, kinh doanh, tài chính, thương mại, chính trị, pháp luật, văn hóa, truyền thông xã hội, trong đó con người đang sống". Vì như Giáo Hội có quyền loan báo Học thuyết Xã hội đặt nền tảng trên Tin Mừng, thì đó cũng là bổn phận của Giáo Hội, "bởi vì Giáo Hội không thể thoái thác trách nhiệm này mà không chối từ chính bản thân và bất trung với Đức Kitô". Đức Phaolô VI bảo chúng ta: "Vì Tin Mừng và đức tin có liên hệ đến đời sống chung như thế, vì các hậu quả của bất công

hay của tội rất tai hại, nên Giáo Hội không thể giữ thái độ thờ ơ với các vấn đề xã hội” (TH Loan báo Tin Mừng-Evangelii Nuntiandi, 34) (**x.HTXHCG, 69-71**) Vậy chúng ta cùng tìm hiểu ngọn nguồn phát sinh của Học thuyết Xã hội Công giáo từ Kinh thánh, và quá trình hình thành từ Huấn quyền của Giáo Hội.

Ngoài ra, “Học thuyết Xã hội của Giáo Hội vận dụng các đóng góp của mọi ngành kiến thức, bất kể nguồn gốc xuất phát, và có một chiều kích liên ngành quan trọng”. Học thuyết Xã hội đặc biệt sử dụng triết học, vì “ thường hay lấy bản tính con người làm nguồn gốc và dùng lý trí làm con đường nhận thức của chính đức tin”. Bởi “ triết học là một công cụ phù hợp và cần thiết để hiểu biết đúng đắn các khái niệm căn bản của Học thuyết Xã hội Công giáo, như ngôi vị, xã hội, tự do, lương tâm, đạo đức, luật pháp, công bằng, công ích, liên đới, bổ trợ, Nhà Nước. Bên cạnh đó, là “ sự đóng góp rất ý nghĩa từ các khoa học xã hội và nhân văn. Vì mỗi ngành khoa học đều có thể giúp đạt đến một phần riêng biệt của chân lý, cho nên không một ngành kiến thức nào lại bị loại trừ. Giáo Hội nhìn nhận và tiếp thu mọi sự có thể góp phần giúp hiểu biết con người trong mạng lưới các quan hệ xã hội ngày càng rộng lớn, luôn biến chuyển và phức tạp hơn. Giáo Hội ý thức rõ muốn hiểu biết con người sâu xa không thể chỉ dựa vào thần học mà bỏ quên những đóng góp của nhiều ngành kiến thức khác, mà chính thần học phải tham khảo”. Và “nhờ các ngành khoa học này, Giáo Hội có thể hiểu chính xác hơn con người trong xã hội, có thể ngỏ lời với con người hiện nay một cách thuyết phục hơn và thực hiện có kết quả hơn nhiệm vụ của mình là đưa Lời Chúa và đức tin, nơi xuất phát Học thuyết Xã hội, hội nhập vào trong lương tâm và trách nhiệm xã hội của thời đại chúng ta” (**x. HTXHCG, 76-78**).

+ KINH THÁNH: NỀN TẢNG CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO

Khởi đi từ Cựu ước -

Chương I của quyển Tóm lược giải thích rõ Học thuyết Xã hội Công giáo có nền tảng trong Kinh Thánh và đặc biệt trong ba tình yêu: “Tình yêu nhưng không” của Thiên Chúa đối với tạo thành được mặc khải trong Cựu Ước, “Điều răn yêu thương nhau” liên quan đến các giao ước Kinh Thánh và được thể hiện nơi Đức Giêsu Kitô, và tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi hoặc “Tình yêu siêu việt” là định nghĩa về Thiên Chúa và áp dụng cho mỗi người, cho Giáo hội và cho tất cả các cộng đồng – kinh tế, xã hội, hoặc chính trị.

Từ “hoạt động giải phóng của Thiên Chúa trong lịch sử dân Israel”, Chương này bắt đầu với nhận xét “mọi truyền thống văn hoá” đều công nhận một khía cạnh nào đó của việc Thiên Chúa hiện diện trong cuộc sống và ủng hộ công bằng xã hội. Một mặt, “Thiên Chúa được coi là nguồn gốc của những gì đang hiện hữu, là sự hiện diện bảo đảm cho con người tổ chức thành xã hội có được những điều kiện sống căn bản, trao vào tay con người những phương thế cần thiết. Mặt khác, Thiên Chúa xuất hiện như chuẩn mực cho biết mọi sự phải như thế nào, như sự hiện diện luôn thách thức các hoạt động của con người – cả trên bình diện cá nhân lẫn xã hội – liên quan đến việc sử dụng các phương thế ấy trong mối tương quan với người khác”.

“Mặc khải tiệm tiến của Thiên Chúa về bản thân mình cho dân Israel” được “thực hiện cụ thể” trong việc Thiên Chúa kêu gọi Môsê và giải phóng những người nô lệ Israel đang bị tù đày ra khỏi Ai Cập: “Ta đã thấy nỗi khốn khổ của dân Ta bên Ai Cập” (Xh 3,7) Thiên Chúa phán, Đấng tự mệnh danh “Ta là Đấng Hiện Hữu” (Xh 3,14). Đây là vị Thiên Chúa tự nguyện tạo dựng nên muôn loại muôn vật, giải phóng và

bảo vệ dân Người ra khỏi cảnh nô lệ và đưa ra một bộ luật – Mười Điều Răn – “là một cách diễn đạt đặc sắc về luật tự nhiên” và “... liên hệ mật thiết với các tập quán... quy định, trong công bằng và liên đới, sự phát triển xã hội Israel”, nhất là “các quyền của người nghèo”.

Điều này dẫn đến “luật năm sabát (cứ bảy năm một lần) và luật năm toàn xá (cứ năm mươi năm một lần)”, quy định một cách lý tưởng về việc “xóa nợ”, tha bổng nô lệ và trả lại đất đai cho gia đình. Luật này, một “nguyên tắc thiết lập” giao ước của Thiên Chúa với Israel, xác lập “một loại học thuyết xã hội thu nhỏ”. “Những nguyên tắc này trở nên tiêu điểm trong lời rao giảng của các Ngôn sứ”, công bố như thế nào “Thần Khí Thiên Chúa, được đổ vào tâm hồn con người, sẽ làm cho những tình cảm về công lý và liên đới ấy, hiện diện trong tâm hồn Đức Chúa, bám rễ trong lòng mọi người” (x. Gr 31,33; Ez 36,26-27) (**x.HTXHCG, 20-25**). “Như ta đã thấy, hành vi tạo dựng của Thiên Chúa là một hành vi của “tình yêu nhưng không” mạc khải cho nhân loại một kế hoạch yêu thương dựa trên công lý và hòa bình. Giáo huấn này được đề cập mạnh mẽ trong “Văn chương Khôn ngoan” của Kinh Thánh và trong phần giáo huấn của Sách Sáng thế về việc người nam và người nữ được tạo dựng theo “hình ảnh và giống Thiên Chúa” (St 1,26-27), nghĩa là, tình yêu và sự tặng ban nhưng không của Thiên Chúa đã mời gọi họ hãy canh tác khu vườn sự sống. Tuy nhiên, ngay từ ban đầu, việc nhân loại thông phần vào món quà tặng ân huệ nhưng không của Thiên Chúa “đã bị tội lỗi làm biến dạng”. Tội này phá vỡ sự hài hòa trong nội tâm con người, giữa người nam và người nữ, giữa tất cả mọi người, và giữa con người với các tạo vật khác. “Chính trong lần xa cách chia lìa đầu tiên này ta tìm ra gốc rễ sâu xa nhất của mọi sự dữ... đang tấn công công lý và tình liên đới” (**x.HTXHCG, 26-27**).

“ Cựu Ước đã đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành những ý tưởng liên quan đến công lý và hoà bình này ở trung tâm của Học thuyết Xã hội Công giáo. Sự cố vũ công lý xã hội do Học thuyết Xã hội Công giáo đòi hỏi là một phương cách phát biểu lý tưởng đó và nhấn mạnh rằng phải được sống trong những xã hội được trang bị các định chế chính trị, kinh tế, giáo dục, xã hội và tôn giáo vận hành một cách đúng đắn thì con người mới có thể thực hiện được một cách tối hảo sự phát triển đích thực và chính đáng cho bản thân. Khi công lý đã được thực hiện, thì ít là trong một mức độ nào đó, hoà bình có thể nở hoa. Hoà bình là “thành quả của đức công minh” (Is 32,17), nó là kết quả của việc xây dựng được những cộng đồng công chính. Vì thế Học thuyết Xã hội Công giáo không hề có một quan niệm tiêu cực về hoà bình, tức không có chiến tranh, những gì còn sót lại sau khi im tiếng súng, nhưng quan niệm tích cực : hoà bình là một trạng thái hiện hữu được xây dựng bằng những hành động công lý, hòa giải, đồng cảm và sự thật. Hoà bình là cái gì phải được thực hiện bằng những công việc nhằm tạo dựng và vẫn hồi một cộng đồng lành mạnh (Trích ‘Kinh Thánh và Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội’, bài viết của Lm. Kenneth Himes, Dòng Phan sinh, Đại học Boston, Mai Khôi phỏng dịch).

Đến thời Tân ước -

Nơi Đức Giêsu Kitô, biến cố mang tính quyết định trong lịch sử quan hệ của Thiên Chúa với loài người được thực hiện. Sách Tóm lược bảo ta rằng “Lòng nhân từ và thương xót thúc đẩy Thiên Chúa hành động... đã trở nên hết sức gần gũi với con người... [trong] Đức Giêsu, Ngôi Lời đã thành xác phàm”. Để truyền thông việc làm thế nào Đức Giêsu hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa cho nhân loại và xã hội, sách Tóm lược kêu gọi hãy chú ý đến các giai đoạn ban đầu trong sứ vụ của Đức Kitô khi Người nói: “Thánh Thần Chúa

ngự trên tôi, sai tôi đi loan báo Tin Mừng cho người nghèo khó, công bố ơn giải thoát cho kẻ bị giam cầm, cho người mù sáng mắt, giải phóng những ai bị áp bức, công bố năm hồng ân của Chúa” (Lc 4,18-19). Ta biết rằng “Đức Giêsu loan báo tình thương giải phóng của Thiên Chúa cho những ai Người gặp trên đường của mình, trước hết là những người nghèo, những người bị gạt ra bên lề xã hội, những người tội lỗi” **(x.HTXHCG, 28-29)**.

“Tân Ước dựa vào mạc khải đầy đủ về tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi, được bày tỏ trong cuộc Vượt Qua của Đức Giêsu Kitô, cho chúng ta hiểu ý nghĩa cuối cùng của mầu nhiệm Nhập thể”. Ta cảm nhận trong “Đức Giêsu Kitô bị đóng đinh và sống lại từ cõi chết [rằng] Thiên Chúa là Thiên Chúa Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần; thật sự riêng biệt và thật sự là một, vì Thiên Chúa là sự hiệp thông vô tận của tình yêu”. Đức Giêsu được linh hứng bởi tình yêu mà Người đã cảm nghiệm trong sự hiệp thông thân tình với Cha, một tình yêu mà sau Phục sinh và Lễ Hiện xuống Thánh Thần “đổ vào lòng...” của nhân loại (x. Rm 5,5). Tông đồ Gioan đã thấu hiểu “ý nghĩa sâu xa và kết quả hợp logic nhất của” món quà sự sống và quà tặng là Đức Kitô là Con Thiên Chúa và kết quả này là “sự yêu thương lẫn nhau” trong lệnh truyền mà “... Đức Giêsu gọi là ‘điều răn mới’ và cũng là ‘điều răn của Người’: ‘đó là anh em hãy yêu thương nhau; như Thầy đã yêu thương anh em, anh em cũng phải yêu thương nhau’ (Ga 13,34)”. Luật yêu thương lẫn nhau này trở nên “luật sống của dân Thiên Chúa, [và] phải gây cảm hứng, thanh lọc và nâng cao mọi quan hệ con người trong xã hội và trong chính trị”. **(x.HTXHCG, 30-33)**

Như “mầu nhiệm Thiên Chúa với tư cách là tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi” đã đến với nhân loại qua việc tạo dựng và qua món quà là Con Thiên Chúa và Chúa Thánh Thần như thế nào thì mỗi người phải vươn lên, nâng bản thân

mình lên để trước tiên vươn tới Thiên Chúa và sau đó đến với những người bên cạnh – cho đến tất cả các dân tộc trên thế giới – theo kế hoạch của Thiên Chúa. Kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa bắt đầu với việc Thiên Chúa “tạo dựng người nam và người nữ theo hình ảnh và giống Thiên Chúa” một cách nhưng không (St 1,26-27), nghĩa là, giống “hình ảnh của tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi trong vũ trụ được tạo dựng”. “Sách Sáng thế cung cấp cho chúng ta một số nền tảng của khoa nhân học Kitô giáo: phẩm giá bất khả chuyển nhượng của con người... bản tính xã hội của con người... ý nghĩa của hoạt động của con người trong thế giới ... (để ta tuân thủ) các định luật tự nhiên. **(x.HTXHCG, 34-37)**

“Ơn cứu độ được đem đến... trong Đức Giêsu... là một ơn cứu độ phổ quát và toàn diện... [liên quan đến] toàn thể con người... trong chiều kích cá nhân lẫn xã hội, tâm linh lẫn thể lý, lịch sử lẫn siêu việt”. Ơn cứu độ là “một hiện thực đã có trong lịch sử” nhưng việc hoàn thành, tuy nhiên, vẫn còn ở trong tương lai” khi đó ta sẽ được “thông phần vào sự phục sinh của Đức Kitô và sự sống hiệp thông đời đời với Chúa Cha trong niềm vui của Chúa Thánh Thần”. Vì lý do này, “những cái nhìn thuần túy nội tại về ý nghĩa của lịch sử” và về “sự tự cứu độ” rõ ràng là sai lầm. Mối quan hệ của ta với Thiên Chúa đòi hỏi ta phải “cởi mở để yêu thương con người một cách cụ thể... kể cả khi người ấy là kẻ thù” (x. Mt 5,43-44). Đây là cơ sở để ta “dẫn thân thực thi công bằng và tình liên đới, xây dựng một cuộc sống xã hội, kinh tế và chính trị theo đúng kế hoạch của Thiên Chúa”. **(x.HTXHCG, 38-40).**

Thái độ liên đới, bận tâm cho cho người khác, gần hay xa, và bốn phần đặc biệt lưu tâm tới những người yếu đuối và những người dễ bị tổn thương, được khuyến khích từ đầu đến cuối sách Tân Ước. Đó là những luận đề có một vai trò

quan trọng trong quan niệm những nguyên tắc thầm kín của Học thuyết Xã hội Công giáo và của những giá trị mà Học thuyết Xã hội Công giáo cổ vũ rõ ràng” (Trích Kinh Thánh và Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội, bài viết của Lm. Kenneth Himes, Dòng Phan sinh, Đại học Boston, Mai Khôi phỏng dịch).

+ KẾ HOẠCH CỦA THIÊN CHÚA VÀ SỨ MẠNG CỦA GIÁO HỘI.

Giáo Hội với tư cách một cộng đồng là “dấu chỉ và sự bảo vệ chiều kích siêu việt của con người” và “một dấu chỉ và công cụ về... sự hiệp thông với Thiên Chúa và về sự hiệp nhất tất cả mọi người”. Với tính cách là một bí tích của sự hiệp nhất, Giáo Hội phụng sự Nước Thiên Chúa “bằng cách loan báo và thông truyền Phúc âm về ơn cứu độ và bằng cách thiết lập các cộng đồng Kitô giáo mới”. Giáo Hội không được “lấn lộn với cộng đồng chính trị và Giáo Hội không bị ràng buộc vào bất kỳ hệ thống chính trị nào”. Chiều kích siêu việt của Giáo Hội là “một thành trì chống lại mọi toan tính toàn trị” cũng như là “một chất men làm cho con người được đạt đến sự phát triển trọn vẹn, đạt đến công bằng và tính liên đới”. **(x.HTXHCG, 49-51).**

“Trong Đức Kitô, Thiên Chúa không những cứu chuộc các cá nhân mà còn cứu chuộc các mối quan hệ xã hội đang hiện hữu giữa con người với nhau”. Như Tông đồ Phaolô bảo ta: “Trong Đức Giêsu Kitô... không còn phân biệt Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, nam hay nữ, vì tất cả anh em đều là một trong Đức Kitô” (Gl 3,26-28). “Việc biến đổi của quan hệ xã hội... [theo] các đòi hỏi của Nước Thiên Chúa” dẫn đưa người Kitô hữu... “đối thoại với tất cả các người thiện chí trong việc cùng nhau tìm kiếm những hạt giống chân lý và tự do được gieo trong thửa ruộng menh mông

của nhân loại". Lời mời gọi "biến đổi thế giới" này tượng trưng cho "điều răn yêu thương mới" của Đức Giêsu, nổi bật như "một yêu cầu cơ bản trong thời đại của chúng ta", và là lý do "Huấn quyền xã hội của Giáo hội... đưa ra những đáp trả... [đối với] những dấu chỉ của thời đại". **(x. HTXHCG, 52-55).**

"Lời hứa của Thiên Chúa và sự phục sinh của Đức Giêsu Kitô làm sống lại niềm hy vọng chắc chắn nơi các Kitô hữu về một chỗ ở mới mẻ và vĩnh cửu được chuẩn bị cho mỗi người, một trái đất mới nơi công lý ngự trị (x. 2 Cr 5,1-2; 2 Pr 3,13)". "Những điều tốt đẹp – như phẩm giá con người, tình huynh đệ và tự do... thuộc về Vương quốc chân lý và sự sống". Trong thế giới mới sẽ đến, "những lời của Đức Kitô sẽ vang lên cho tất cả mọi người: Hãy đến hưởng vương quốc đã dọn sẵn cho các ngươi từ khi tạo dựng trời đất; vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn; Ta khát, các ngươi đã cho uống..." (Mt 25,34). Như vậy, việc thành toàn con người được "thực hiện trong Đức Kitô, thông qua ân ban của Thánh Thần". Việc thành toàn đó "diễn ra trong lịch sử và được thực hiện qua những mối quan hệ cá nhân" hướng đến "công lý và hoà bình". **(x.HTXH, 56-58)**

"Người thừa kế niềm hy vọng thánh thiện trong dân Israel và người đầu tiên trong hàng ngũ các môn đệ Đức Kitô chính là Đức Maria, Mẹ Người". "Qua lời 'xin vâng' đối với kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa (x. Lc 1,38), [và] nhân danh toàn thể nhân loại, ngài đã chấp nhận Đấng do Chúa Cha gửi tới trong lịch sử, còn gọi là Đấng Cứu Chuộc loài người". Kinh Magnificat của ngài "loan báo... sự xuất hiện Đấng Mêsia của người nghèo (x. Is 11,4; 61,1)... Đấng lật đổ người quyền thế khỏi ngai vàng và nâng cao kẻ hèn mọn, cho kẻ nghèo đói được no đủ, đuổi người giàu có trở về tay không, đánh tan tác kẻ kiêu ngạo và tỏ lòng thương xót với những ai kính sợ Người (x. Lc 1,50-53)". **(x.HTXHCG,59)**

+ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO TỪ HUẤN QUYỀN CỦA GIÁO HỘI

“ Suốt dòng lịch sử Giáo Hội và đặc biệt trong mấy thế kỷ gần đây, Giáo Hội – theo lời Đức Lêô XIII – đã không ngừng nói lên tiếng nói của mình về những câu hỏi liên quan đến cuộc sống trong xã hội”(Lời giới thiệu của Đức Hồng y Angelo Sodano, Quốc Vụ Khanh, Bộ Trưởng Ngoại giao Toà Thánh Vatican).

Thuật ngữ “học thuyết xã hội” đến từ Đức Piô XI (1922-1939). Trong Thông điệp “ Tứ thập niên-Quadragesimo Anno” (1931), ngài đề ra nguyên tắc bổ trợ, nay đã trở thành một bộ phận thường hằng trong giáo huấn xã hội của Giáo Hội. Học thuyết xã hội với hình thức như hiện nay bắt đầu với “Thông điệp Tân sự-Rerum Novarum” (1891) của Đức Lêô XIII (1878-1903), như là “sự khởi đầu một con đường mới” đối với việc Giáo Hội can thiệp vào các vấn đề xã hội. Đó là “ bức Thông điệp xã hội lớn đầu tiên” nhằm đáp ứng trước cảnh đau khổ trong xã hội của các công nhân công nghiệp. Nhưng “con đường mới” này có gốc rễ sâu xa trong “di sản giáo thuyết” phong phú của Giáo Hội – từ Kinh thánh, nhất là các sách Tin Mừng, và từ truyền thống lâu dài của Giáo hội. Cuộc Cách mạng Công nghiệp trong thế kỷ XIX đã gây ra những thay đổi rộng khắp về các cấu trúc xã hội dẫn đến “vấn đề xã hội lớn đầu tiên – vấn đề lao động – nảy sinh bởi cuộc xung đột giữa tư bản và lao động” (**x. HTXHCG, 87-88**).

Và tiếp nối qua nhiều triều đại Giáo hoàng, cùng với việc ban hành các văn kiện đã là những cột mốc đánh dấu con đường mà Học thuyết xã hội của Giáo Hội đã đi qua.

Chúng ta phải kể đến : Đức Piô XII (1939-1958), với " Các Thông điệp Phát thanh Giáng sinh" (từ năm 1941 đến 1944) và Chân phước Giáo hoàng Gioan XXIII (1958-1963), với Thông điệp " Mẹ và Thầy-Mater et Magister" (1961); Thông điệp " Hòa bình trên trái đất - Pacem in Terris" (1963).

Công đồng Vatican II (11.10.1963-08.12.1965) đưa ra Hiến chế Mục vụ " Vui mừng và hy vọng-Gaudium et Spes" (1965), đã vạch ra nhiều điểm nhấn quan trọng về vai trò và các trách nhiệm của toàn thể "Dân Thiên Chúa" đối với người nghèo trong các cộng đồng của mình và trên thế giới. Văn kiện này cho thấy Giáo Hội mang lấy "một tình cảm liên đới sâu sắc với nhân loại và lịch sử của nhân loại". Văn kiện trình bày "một cách hệ thống các chủ đề văn hóa, đời sống kinh tế và xã hội, hôn nhân và gia đình, cộng đồng chính trị, hòa bình và cộng đồng các dân tộc", tất cả đều nhìn từ quan điểm nhân học Kitô giáo lấy con người làm khởi điểm. Công đồng cũng đưa ra Tuyên ngôn " Phẩm giá con người-Dignitatis Humanae", trong đó quyền tự do tôn giáo được công bố. " Như chính Đức Kitô đã làm, Giáo Hội, trong sứ vụ của mình, cũng đã tôn trọng phẩm giá và tự do của con người. Như thế, vì là một trong những hình thức của sự rao truyền Tin Mừng bởi Giáo Hội, Học thuyết xã hội của Giáo Hội không thể được coi như những chỉ thị, mà như sự trình bày của một suy nghĩ nhằm mô tả chân lý về mặt xã hội, một chân lý mang tính bắt buộc bởi tiềm năng chất chứa trong nó" (trích Toàn cảnh lịch sử của Baudoin Roger, Giám đốc học viện Kinh tế - Con Người – Xã Hội, Giáo sư Đại Học Notre-Dame và Trung Tâm Sèvres, Mai Khôi lược dịch)

Rồi đến Đức Phaolô VI (1963-1978), với Thông điệp " Phát triển các Dân tộc-Populorum Progressio" (1967). Ngài tuyên bố trong thông điệp này rằng "Phát triển là tên gọi mới của hoà bình". Đức Giáo hoàng Biển Đức XVI gọi Thông điệp này là " Rerum novarum của thời hiện đại " (Thông điệp

Bác ái trong sự thật-Caritas in veritate, 8), và Tông thư "Tiến tới năm thứ 80-Octogesima Adveniens" (1971). Năm 1967, theo ước nguyện của Công đồng, Đức Phaolô VI thành lập Ủy ban Giáo hoàng "Iustitia et Pax" (Công lý và Hòa bình) "để thúc đẩy cộng đồng Công giáo đẩy mạnh tiến bộ tại các nơi nghèo đói và đẩy mạnh công lý xã hội trên bình diện quốc tế". Năm 1968, ngài lập ra "Ngày Hòa bình Thế giới" hàng năm và vào ngày này, ngài soạn thảo một Sứ điệp Hòa bình và bổ sung vào Giáo huấn xã hội của Giáo Hội **(x.HTXHCG, 98-100)**

Đức Gioan Phaolô II (1978-02.4.2005) đã tiếp tục công bố và cập nhật di sản về Học thuyết Xã hội Công giáo. Về phần mình, ngài đã công bố ba thông điệp quan trọng : "Lao động của con người-Laborem Exercens"(1981); " Quan tâm đến vấn đề xã hội-Sollicitudo Rei Socialis" (1988) và " Bách chu niên-Centesimus Annus" (1991), nhằm trình bày những bước cơ bản của tư tưởng Công giáo trong lĩnh vực này "(Lời giới thiệu của Đức Hồng y Angelo Sodano, Quốc Vụ Khanh, Bộ Trưởng Ngoại giao Tòa Thánh Vatican).

Và Đức Giáo hoàng Biển Đức XVI, qua Thông điệp " Bác ái trong chân lý-[Caritas in veritate](#)"(2009), tiếp nối Thông điệp "Phát triển các Dân tộc-*Populorum progressio*" của Đức Phaolô VI, từ đó ngài triển khai các trực cảm. Ngài lấy lại tầm vóc thế giới của sự suy nghĩ đang ngự trị trong một thế giới từ nay đang bị toàn cầu hóa một cách rộng rãi, và, khi tập trung phát biểu của ngài trên tình yêu caritas, ngài trang bị cho nó một tầm mức thần học đáng ghi nhận. Trong bối cảnh của một cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính trầm trọng, Đức Biển Đức XVI đã có một cái nhìn vừa sáng suốt và mang tính phê phán, nhưng cũng vừa lạc quan và đầy hy vọng đối với thế giới hiện nay. Niềm hy vọng này được xây dựng trên bác ái, trong đó ngài nhìn thấy nền móng và sự phấn khởi đang thúc đẩy con người để xây dựng một tình

huynh đệ nhân bản hoàn vũ. Chân phước Gioan Phaolô II đã đặt con người vào trung tâm sự suy nghĩ của ngài và của Giáo huấn Xã hội, còn Đức Biển Đức XVI đã đặt nơi đó tình yêu-bác ái, nguyên tố tác động thúc đẩy con người trong việc thực hiện ơn gọi của mình.

Bác ái, sự thể hiện tuyệt hảo của tình yêu, là hồng ân Thiên Chúa, Đấng là Tình yêu, như nhan đề của Thông điệp đầu tiên của ngài, là trục trung tâm luận đề của ngài. Bác ái là “con đường chính của Giáo huấn Xã hội” (TĐCV, 2), và là “sức mạnh năng động chính yếu của sự phát triển đích thực” (TĐCV, 1). Sống bác ái trong chân lý là ơn gọi của mọi con người.

Đức Ái kêu gọi mọi người thiện chí công nhận và hành động cho “lý tưởng Kitô giáo trong một gia đình duy nhất của các dân tộc, liên đới trong một tình huynh đệ chung” (TĐCV, 13). Bác ái trong chân lý soi sáng chiều sâu các thực tế xã hội, kinh tế và chính trị nơi mà tình huynh đệ được xây dựng. Đức Giáo Hoàng nói rõ những hậu quả cụ thể của những thực tế này và những đòi hỏi trước tình hình thế giới hiện nay. Không đưa ra những giải pháp thực tiễn, ngài dựa trên các tài liệu của các vị tiền nhiệm để mở ra những viễn cảnh mới và chất vấn lương tâm mọi người trong một Thông điệp đầy hy vọng : con người có tự do và có trách nhiệm, các cấu trúc và thể chế đang nhào nặn thế giới là những thứ do con người làm ra, chúng không bao giờ tuột ra khỏi những quyết định của sự tự do con người. Dưới ánh sáng bác ái trong chân lý, sự tự do của con người có thể khám phá ra cách hướng hành động của mình theo những tiêu chuẩn của công bằng, của liên đới, của hỗ trợ, và của công ích là những điều xuất phát từ bác ái (Trích ‘Toàn cảnh lịch sử’ của Baudoin Roger, Giám đốc Học viện Kinh tế - Con Người – Xã Hội, Giáo sư Đại học Notre-Dame và Trung tâm Sèvres, Mai Khôi lược dịch)

+ GIỚI THIỆU QUYỀN TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO.

Cuốn Học thuyết Xã hội Công giáo của Giáo Hội Công giáo, nguyên tác tiếng Anh là " Compendium of the Social Doctrine of the Church", được nhà sách " Libreria Editrice Vaticana", xuất bản năm 2004, là công trình của Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình soạn thảo theo yêu cầu của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, nhằm cung cấp một cái nhìn chính xác và toàn diện về những giáo huấn xã hội của Giáo Hội. " Đức cố Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận (1928-2002)", cựu Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, người đã có sáng kiến biên soạn Bản Tóm lược Học thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo, " vị chứng nhân vĩ đại của Thập Giá, với sự khôn ngoan, sự kiên quyết và tầm nhìn xa trông rộng, đã thực hiện phần chuẩn bị phức tạp cho tài liệu này. Chứng bệnh hiểm nghèo đã không cho ngài cơ hội hoàn thành phần kết thúc và xuất bản"(Lời giới thiệu của Đức Hồng y Renato Raffaele Martino, nguyên Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình).

Cuốn sách đã được Ủy ban Bác ái Xã hội trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam dịch thuật, nhằm giới thiệu cho đồng bào Công giáo và không Công giáo những nguyên tắc nền tảng và đường hướng hoạt động của Giáo Hội Công giáo trong lĩnh vực xã hội. Sách mang tựa đề "Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo Hội Công giáo", được nhà xuất bản Tôn giáo xuất bản năm 2007. Nội dung ấn bản " Phổ thông" hiện đang lưu hành phổ biến, dày 448 trang, là các phần chính văn gồm Nhập đề & Kết luận cùng 12 chương sách, và Mục lục chú thích với 1232 số .

Nội dung cuốn sách được chia ra như sau:

- . Nhập đề (1-19) :
Một nền nhân bản toàn diện và liên đới.
- . Chương I (20-59) :
Kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa
đối với nhân loại.

- . Chương II (60-104) :
Sứ mạng của Giáo hội và Học thuyết Xã hội.
- . Chương III (105-159) : Con Người và Nhân Quyền.
- . Chương IV (160-208) :
Các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội Công giáo.
- . Chương V (209-250) :
Gia đình, tế bào sống động của xã hội.
- . Chương VI (251-322) : Lao Động của Con Người.
- . Chương VII (323-376) : Đời sống kinh tế.
- . Chương VIII (377-427) : Cộng đồng Chính trị.
- . Chương IX (428-450) : Cộng đồng Quốc tế.
- . Chương X (451-487) : Bảo vệ Môi trường.
- . Chương XI (488-520) : Cổ vũ Hòa bình.
- . Chương XII (521-574) :
Học thuyết Xã hội và hoạt động của Giáo hội.

+ Kết luận (575-583) : *Vì một nền văn minh tình yêu*

Cuốn sách được trình bày khá chi tiết, theo phương pháp
sư phạm, dễ hiểu, gồm 583 số. Mỗi số đều có một câu mở
đầu tóm lược nội dung chính yếu của toàn thể đoạn văn.

+ NỘI DUNG HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO

Trong phiên họp khoáng đại thứ 9 của Công nghị các giám mục bàn về tân Phúc Âm hóa, ĐHY Peter Kodwo Appiah Turkson, chủ tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Công Lý và Hòa bình, trong bài tham luận đọc sáng ngày 13.10.2012, ngài đã xác định vị trí của HTXHCG rằng "Cửa xã hội" là một "cửa ngõ dẫn tới Phúc Âm hóa" hữu hiệu. Ngài bận tâm đến "sứ mạng đặc biệt" của Giáo Hội trong việc "gieo rắc khắp nơi công lý và tình yêu của Đức Kitô đối với người nghèo". Theo ĐHY, lãnh vực xã hội là một « khí cụ hữu hiệu » của Phúc Âm hóa.

Trong lời giới thiệu cho Tài liệu Học thuyết Xã hội của Giáo Hội Công giáo, Đức Hồng y Angelo Sodano, Quốc Vụ Khanh, Bộ trưởng Ngoại giao Tòa Thánh Vatican, đã viết : Tập sách "Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo được trao gửi đến tất cả tín hữu và những người thiện chí như một thứ lương thực cần thiết để phát triển nhân cách và tinh thần, cho mọi cá nhân và mọi cộng đồng. Tài liệu này cũng trình bày giá trị của Học thuyết Xã hội Công giáo như một phương tiện để rao giảng Tin Mừng (x. TĐ Bách Chu niên-Centesimus Annus, 54), bởi vì tài liệu này đặt con người và xã hội trong mối tương quan với ánh sáng Tin Mừng. Những nguyên tắc của Học thuyết Xã hội Công giáo đặt nền tảng trên luật tự nhiên, vì thế được xác nhận và củng cố trong niềm tin của Giáo Hội nhờ Tin Mừng của Đức Kitô. Vì thế, rõ ràng là Giáo Hội phải làm cho tiếng nói của mình vang dội đến mọi người về 'những điều mới mẻ' (res novae) tiêu biểu của thời hiện đại, bởi vì Giáo Hội có nhiệm vụ mời gọi mọi người làm tất cả những gì có thể được để hướng đến một nền văn minh đúng nghĩa càng ngày càng

nhằm tới sự phát triển toàn diện của con người trong tình liên đới”.

Học thuyết về ơn cứu độ toàn diện này bao gồm “các đòi hỏi của công lý và hoà bình” là trung tâm của “luật yêu thương mới”. Như vậy, Học thuyết xã hội của Giáo Hội có một sự thống nhất sâu xa đậm rễ sâu trong tình yêu của Thiên Chúa đối với nhân loại. Được Thiên Chúa yêu thương, mọi người được kêu gọi trở nên nhân bản đích thực bằng cách tìm hiểu “phẩm giá siêu việt của mình” và bằng cách hành động cho “công lý và hoà bình” thông qua “luật yêu thương mới” cho những người anh em của chúng ta “trong một mạng lưới các quan hệ” ở mọi cấp độ cho “tới tận cùng trái đất”. Chúng ta có biết bao “anh chị em nghèo đói đang cần giúp đỡ”, bao gồm những người đang chịu cảnh áp bức bất công, thất nghiệp, thiếu thốn sự chăm sóc y tế, đói khát, không nhà không cửa, những người giàu có nhưng tuyệt vọng vì không tìm được ý nghĩa cuộc đời, những người nghiện ma tuý, những người già bị bỏ rơi, những người bị gạt ra bên lề xã hội vì bị kỳ thị, những người gánh chịu hậu quả của cuộc khủng hoảng môi sinh, chiến tranh và những sự vi phạm nhân quyền. Các nhu cầu đó đòi hỏi “sự tố cáo, các đề nghị và sự dẫn thân vào những dự án văn hoá và xã hội” với một “trách nhiệm được gợi hứng bởi một nền nhân bản toàn diện và liên đới” (**x.HTXHCG, 3-6**).

Ý nghĩa của Tài liệu

Quyển Tóm lược bảo ta rằng Học thuyết Xã hội của Giáo Hội cống hiến cho chúng ta: “những nguyên tắc để suy tư”, “những tiêu chuẩn để phán đoán” và “những chỉ dẫn để hành động”.

Là “xuất phát điểm để thúc đẩy một nền nhân bản toàn diện và liên đới”, Học thuyết này là “một ưu tiên mục vụ đích

thực”, “một phần trong sứ mạng loan báo Tin Mừng của Giáo Hội” và thiết yếu cho “công cuộc tân Phúc âm hoá”. Quyển Tóm lược trình bày “một cái nhìn đầy đủ và có hệ thống” về “những yếu tố căn bản” trong Huấn quyền của Giáo hội về các lĩnh vực xã hội, “các Hội đồng Giám mục tùy theo tình hình địa phương mà đưa ra những áp dụng thích hợp”. Trong khi “giáo huấn này” được rút ra từ “các văn kiện thuộc nhiều thẩm quyền khác nhau”, cần phải xem đó như “một tổng thể thống nhất” có đặc điểm là “càng ngày càng liên hệ chặt chẽ với nhau hơn”, cần có “một cách tiếp cận có hệ thống” đối với các thực tế trong thời đại của chúng ta, cần có sự “cập nhật liên tục” để có thể giải thích “các dấu chỉ mới của thời đại”, “những đối sách mới” và “các đoàn sủng khác nhau” nhằm phục vụ “công cuộc Phúc âm hoá thực tại xã hội”. Quyển Tóm lược “nhằm trước tiên đến các giám mục, là người sẽ quyết định những phương pháp thích hợp nhất để giải thích tài liệu một cách đúng đắn”, và cho các linh mục, các nam nữ tu sĩ, các tín hữu giáo dân, các cộng đồng Kitô hữu cũng như “các anh em thuộc các Giáo Hội và các Cộng đồng Giáo hội khác”, cho “các tín đồ của các tôn giáo khác” và cho “tất cả những người thiện chí”. Quyển Tóm lược cũng hoan nghênh cuộc đối thoại mới giữa “các tôn giáo và các nền văn hóa” trong công cuộc “thăng tiến công lý, tình huynh đệ, hoà bình và sự phát triển con người”. **(HTXHCG, 7-12)**

Để phục vụ sự thật toàn vẹn về con người

Để phục vụ “con người trong thời đại chúng ta”, Quyển Tóm lược đã “rút ra từ Hiến chế Mục vụ Vui mừng và Hy vọng (Công đồng Vatican II) và phản ánh “một mục tiêu duy nhất” của Giáo Hội là “xúc tiến công việc của Đức Kitô dưới sự hướng dẫn thân tình của Chúa Thánh Thần... để làm

chứng cho sự thật, để cứu độ chứ không phải để lên án, và để phục vụ chứ không phải để được phục vụ". Về mặt này, Giáo hội đóng góp vào "vấn đề vị trí của con người trong thiên nhiên và trong xã hội con người", vì "các nền văn minh và văn hoá" bắt nguồn từ những truyền thống cổ xưa đã có hàng ngàn năm. Đây là những vấn nạn căn bản luôn xuất hiện trong cuộc đời con người, làm ta nhớ lại lời nhắn nhủ "Hãy tự biết mình", được khắc trên "cổng đền Delphi" cổ. Những câu hỏi này xoáy vào chính bản chất của "đời sống con người, xã hội và lịch sử". Những vấn nạn ấy "chủ yếu mang tính tôn giáo", vì chúng tra hỏi "nguyên nhân của sự vật". Những vấn nạn ngày nay càng có ý nghĩa lớn hơn vì "những thách đố lớn lao các thể hệ hiện nay đang đối mặt".

Thách đố đầu tiên là "chính sự thật về hữu thể được gọi là con người". Thách đố thứ hai là làm sao "hiểu được và xử lý được sự đa nguyên và sự khác biệt ở mọi cấp độ". Thách đố thứ ba là "toàn cầu hoá", vì chúng ta đang chứng kiến "sự khai trương một kỷ nguyên mới" của "vận mệnh con người". "Các môn đệ của Đức Giêsu Kitô" cảm thấy mình cũng đang bị cuốn hút vào những vấn nạn ấy; họ cũng cứ mang những vấn nạn ấy trong tâm hồn và cũng muốn cùng với mọi người dẫn thân "tìm kiếm sự thật và ý nghĩa của cuộc đời để sống cuộc đời ấy như những cá nhân và như một xã hội". Về những vấn đề này, "Thiên Chúa đã nói với con người suốt dòng lịch sử". Trong Đức Giêsu, Con Thiên Chúa làm người, "Thiên Chúa đã bước vào lịch sử để đối thoại với con người và để mạc khải cho con người về kế hoạch cứu độ của Người, về công lý và tình huynh đệ"

(x.HTXHCG,

13-17)

**Dưới dấu hiệu của tình liên đới,
lòng tôn trọng và tình yêu.**

“Giáo Hội lữ hành qua các nẻo đường lịch sử cùng với toàn thể nhân loại”. “Công đồng Vatican II” đã minh chứng “tình liên đới, sự tôn trọng và ưu ái của mình đối với toàn thể nhân loại bằng cách tham gia đối thoại với nhân loại về những vấn đề lớn của thời đại chúng ta”. Giáo Hội thực hiện cuộc đối thoại bằng ánh sáng Tin Mừng và “dưới sự thôi thúc của Thánh Thần” để “Giáo Hội phục vụ nhân loại”. Giáo Hội đề nghị với mọi người một nền nhân bản phản ánh “kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa”. Kế hoạch này nhằm kêu gọi “một nền nhân bản toàn diện và liên đới có thể xác lập một trật tự xã hội, kinh tế và chính trị mới, đặt nền tảng trên phẩm giá và tự do của mọi người trong hoà bình, công lý và tình liên đới” **(x.HTXHCG, 18-19)**

Học thuyết Xã hội Công giáo là “ một sự trình bày chính xác những thành quả suy tư nghiêm túc về các thực tế phức tạp của đời sống con người, trong xã hội và trong trật tự quốc tế, dựa vào ánh sáng đức tin và truyền thống Giáo Hội. Mục đích chính của sự trình bày này là lý giải các thực tại ấy, xác định xem chúng có phù hợp hay không với đường hướng giáo huấn của Tin Mừng liên quan đến con người và thiên chức của con người, một thiên chức vừa trần thế vừa siêu việt; mục đích là để hướng dẫn người Kitô hữu biết cách cư xử cho đúng” **(HTXHCG.72)**

BẢN CHẤT CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO

Một sự hiểu biết được đức tin soi sáng

Học thuyết Xã hội của Giáo Hội hình thành trong dòng thời gian “qua nhiều lần can thiệp của Huấn quyền về các vấn đề xã hội”. Trong thông điệp năm 1988, “Quan tâm đến các Vấn đề Xã hội-Sollicitudo Rei Socialis”, Đức Gioan Phaolô II minh định rằng Học thuyết Xã hội của Giáo Hội “không thuộc về lĩnh vực ý thức hệ, mà thuộc về lĩnh vực thần học, nhất là thần học luân lý”. Sách Tóm lược nói: “Mục đích chính của học thuyết... là hướng dẫn cách cư xử của người Kitô hữu”. “Giáo huấn này... phải được tìm thấy ở giao lộ nơi cuộc sống và lương tâm người Kitô hữu tiếp xúc với thế giới thực”. Học thuyết Xã hội phản ánh “ba cấp độ của giáo huấn thần học-luân lý : Cấp nền tảng động cơ, Cấp hướng dẫn gồm các chuẩn mực cho đời sống trong xã hội và Cấp quyết định của lương tâm”. “Nền tảng cơ bản” của Học thuyết Xã hội của Giáo Hội được tìm thấy “trong mạc khải Kinh Thánh và trong truyền thống của Giáo Hội.” Cấp này cho ta thấy “kế hoạch của Thiên Chúa đối với thế giới tạo thành”. Chiều kích đặt nền tảng trên đức tin này đồng thời còn vận dụng lý trí để tham gia vào “các khía cạnh lịch sử của việc thực hành”. Như vậy, “đức tin và lý trí” cùng đi như “hai con đường nhận thức của Học thuyết xã hội của Giáo Hội” **(x.HTXHCG, 72-75)**

Một cách biểu hiện tác vụ giảng dạy của Giáo Hội

“Toàn thể cộng đồng Giáo Hội – linh mục, tu sĩ và giáo dân – đều tham gia vào việc hình thành học thuyết xã hội này”

như một cách diễn tả "cảm thức đức tin" của tất cả các tín hữu. Đó cũng là "công trình của Huấn quyền, là quyền giảng dạy với thẩm quyền mà Đức Kitô đã ban cho các tông đồ và những người kế vị". Huấn quyền thể hiện một cách "hàng đầu" qua "Huấn quyền phổ quát của Đức Giáo hoàng và Công đồng", rồi được "tháp nhập vào Huấn quyền của các Giám mục", đến lượt mình các vị này đưa ra "những đóng góp có giá trị" trong một "tập đoàn tính của các Mục tử Giáo Hội". Tóm lại, "đó là Huấn quyền, buộc các tín hữu phải tuân thủ". **(x.HTXHCG, 79-80)**

Nhắm đến một xã hội được hoà giải trong công lý và tình yêu.

"Học thuyết Xã hội của Giáo Hội có nhiệm vụ công bố, nhưng cũng tố cáo". Học thuyết tố cáo "tội bất công và bạo lực". Học thuyết bênh vực "đặc biệt là những người nghèo, những người nhỏ bé nhất và những người yếu kém". Tình trạng bất công và bạo lực làm nảy sinh "các vấn đề xã hội", mà câu trả lời thích đáng là "công bằng xã hội". Học thuyết nói đến "lĩnh vực tôn giáo và luân lý" của xã hội nhân danh "một hình thức hoàn bị của chủ nghĩa nhân bản" trong khi chuẩn bị "trời mới đất mới, nơi công lý ngự trị" (2 Pr 3,13). **(x.HTXHCG, 81-82)**

Một thông điệp gửi cho con cái Giáo Hội và cho nhân loại.

Mọi người trong Giáo Hội "được giáo huấn xã hội này mời gọi nhìn nhận và chu toàn các nghĩa vụ về công bằng và bác ái trong xã hội". "Người tín hữu giáo dân – do bởi "tính cách trần thế của họ" và "bản chất trần thế của ơn gọi của họ" – có nhiệm vụ "thực hành giáo huấn xã hội của Giáo Hội và như thế hoàn tất sứ mạng trần thế của Giáo Hội". Ngoài ra, học thuyết xã hội của Giáo Hội có một "đối tượng hoàn vũ"

và được “nói rõ gửi đến tất cả các người thiện chí”.
(x.HTXHCG, 83-84)

Dưới dấu hiệu liên tục và đổi mới

“Học thuyết Xã hội Công giáo luôn được ánh sáng ngàn đời của Tin Mừng hướng dẫn và luôn quan tâm tới sự tiến hoá của xã hội, nên nó có đặc điểm là vừa liên tục vừa đổi mới”. Trong “sự liên tục” của mình, Học thuyết Xã hội của Giáo Hội “tham chiếu các giá trị phổ quát rút ra từ Mạc Khải và bản tính con người”. Trong “sự đổi mới liên tục” của mình, Học thuyết đáp ứng “các thay đổi về các điều kiện lịch sử”. Như thế, học thuyết là một “công trình” – một công trình “luôn luôn đang tiến hành” hướng đến “công lý và hòa bình”. Với tư cách là “Mẹ và Thầy”, Giáo Hội luôn luôn “vươn ra” như một “điểm gặp gỡ với Tin Mừng, với sứ điệp giải phóng và hòa giải, công lý và hòa bình” (**x. HTXHCG, 85-86**)

+ KẾT LUẬN

Cánh cửa Năm Đức tin đã mở ra cho toàn thể Giáo Hội, nhằm “khơi dậy nơi mỗi tín hữu khát vọng tuyên xưng Đức tin trong sự toàn vẹn và với một niềm xác tín được đổi mới, trong niềm tin thác và hy vọng” (Tự sắc Cánh cửa Đức tin - Porta Fidei, 9). Thánh Giacôbê Tông Đồ đã dạy “ “Đức tin không có hành động thì quả là đức tin chết” (Gc 2, 17). Mỗi tín hữu được mời gọi chứng minh Đức tin của mình bằng lòng nhân ái, vị tha, bằng sự nhiệt thành dẫn thân cộng tác xây dựng một xã hội công bằng và tốt đẹp. Quê hương và xã hội chúng ta hôm nay rất cần đến những chứng nhân của Đức Giêsu, Đấng đã đến để kêu gọi con người sống yêu thương và bác ái, công bằng và bao dung.

Năm Đức tin còn nhắc nhở chúng ta nhiệt thành chia sẻ niềm vui Đức tin cho những người xung quanh, tức là cố gắng nỗ lực truyền giáo. Và Học thuyết Xã hội của Giáo Hội chính là một cách thể loan báo Tin Mừng cho con người hôm nay, bởi vì làm chứng cho tình yêu của Đức Kitô ngang qua các công trình phục vụ công lý, hoà bình và phát triển là thành phần của loan báo Tin Mừng. Chân phước Gioan Phaolô II trong Thông điệp " Bách chu niên-Centesimus Annus" số 5, đã nhắc nhở: "Tôi đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, việc rao giảng Tin Mừng trong thời đại mới phải rao giảng những điểm quan trọng của Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội...chúng ta cần phải lập lại rằng những vấn đề xã hội không thể giải quyết ngoài bối cảnh Tin Mừng được".

Trong bối cảnh của xã hội Việt Nam còn nhiều khó khăn, trì trệ, nghèo đói đã và đang nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp làm nhức nhối lương tâm của bao triệu con tim khao khát tình yêu và công lý, con người cần phải được tiếp cận, cần phải được lắng nghe công bố Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô, Tin Mừng đem lại sự cứu độ, tình yêu, công lý và hoà bình. Chính trong bối cảnh này, Học thuyết Xã hội của Giáo Hội sẽ giúp người ta khám phá những giá trị cao quý của Tin Mừng. Khi mọi người, cách riêng các tín hữu giáo dân sống theo sự hướng dẫn, soi sáng của Học thuyết Xã hội của Giáo Hội trước những vấn nạn, thách đố của xã hội sẽ có khả năng và cũng giúp cho anh chị em chung quanh có khả năng gia tăng niềm tin vào Thiên Chúa, khả năng thắp sáng niềm hy vọng vào tương lai tươi sáng và khả năng mở rộng con tim để yêu thương. Học thuyết Xã hội của Giáo Hội quả thực đóng vai trò quan trọng và cần thiết cho đời sống Giáo Hội nói chung và đời sống của người tín hữu giáo dân nói riêng.

Bởi "nhờ Học thuyết Xã hội của mình, Giáo Hội đảm nhận công việc loan báo những gì Chúa trao phó cho mình. Giáo

Hội tìm cách làm cho thông điệp về sự tự do và cứu chuộc do Đức Kitô đem lại, tức là Tin Mừng về Nước Trời, được hiện diện trong lịch sử nhân loại. Khi loan báo Tin Mừng, Giáo Hội "làm chứng cho con người nhân danh Đức Kitô, làm chứng cho phẩm giá và thiên chức của con người là hiệp thông với những người khác. Giáo Hội dạy cho con người biết những đòi hỏi của công lý và hoà bình phù hợp với sự khôn ngoan của Thiên Chúa". Giống như nhờ Giáo Hội mà Tin Mừng vang lên trong cuộc sống hôm nay của con người⁸¹, học thuyết xã hội cũng là lời đem lại tự do cho con người" (**x.HTXHCG, 63**).

Học thuyết xã hội của Giáo Hội "tự nó là một công cụ hữu hiệu để Phúc Âm hoá". Học thuyết Xã hội chính là một phương cách đặc biệt để Giáo Hội thi hành tác vụ rao giảng Lời Chúa và làm ngôn sứ. "Thật vậy, giảng dạy và phổ biến học thuyết xã hội là những việc làm có liên quan tới sứ mạng Phúc Âm hoá của Giáo Hội và là một phần thiết yếu trong thông điệp Kitô giáo, vì học thuyết ấy cho biết những hậu quả cụ thể của thông điệp này trong đời sống xã hội, cũng như đặt những việc làm hằng ngày và những cuộc đấu tranh cho công lý mỗi ngày vào trong bối cảnh làm chứng cho Đức Kitô Cứu Thế" (**x.HTXHCG, 67**).

Bởi thế, như xác định của sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo, số 2423 : " Học thuyết Xã hội của Giáo Hội đề ra những nguyên tắc cho sự suy nghĩ (nghĩa là xem); nêu lên những tiêu chuẩn cho sự phán đoán (nghĩa là xét) và đưa ra những định hướng cho hành động (nghĩa là àm). Sự hiện diện của mỗi chúng ta trên Cõi Tạm này đã là một hồng ân thật tuyệt vời. Và khi sống Ông gọi làm người cao quý nơi môi trường xã hội hôm nay, qua xem, xét và làm trong vai trò ngôn sứ của mình, lẽ nào chúng ta lại từ chối biến mình thành khí cụ của tình yêu?

+ BBT.BCLHBBMT

